TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **29**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2024
V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Võ Thanh Liêm

2. Bà Hồ Thị Hồng Nhiên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thảo Tr**, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp BX, xã VT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Ông **Đặng Phi T**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BX, xã VT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/12/2023 nguyên đơn bà **Lê Thị Thảo Tr** trình bày:*

Bà và Đặng Phi T chung sống với nhau năm 2020, đến năm 2022 mới đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống thật sự hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhiều lần, nguyên nhân do ông T không chí thú làm ăn, thường hay tụ tập ăn chơi nên vợ chồng thường hay cãi nhau làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều không thể khắc phục được và đã ly thân nhau từ tháng 10/2023 đến nay.

Về con: Vợ chồng chưa có con.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Đặng Phi T.

- Về con: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Không có, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với yêu cầu của nguyên đơn, tại biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2024 bị đơn ông **Đặng Phi T** có ý kiến:* Ông và bà Lê Thị Thảo Tr đăng ký kết hôn năm 2022 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Về con: Vợ chồng chưa có con.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay theo yêu cầu của bà Tr thì ông có ý kiến:

Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Thảo Tr.

- Về con: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Không có, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn bà Lê Thị Thảo Tr vẫn giữ nguyên ý kiến trình bà và yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Đặng Phi T vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá

trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thảo Tr ly hôn ông Đặng Phi T; về con, tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Phi T vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Đặng Phi T theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Thảo Tr và ông Đặng Phi T tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VT cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông T là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Giữa bà Tr và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau. Tại phiên tòa hôm nay, bà Tr vẫn cương quyết ly hôn với ông T, đồng thời theo ý kiến của ông T thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2024 cũng đồng ý ly hôn với bà Tr. Tuy ông T đã đồng ý ly hôn với bà Tr, tức là hai bên đã thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nhưng HĐXX không thể ghi nhận sự thỏa thuận này của hai người, bởi tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tr đối với ông T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về quan hệ nuôi con chung, quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung:* Bà Tr, ông T đã xác định vợ chồng chưa có con chung, không tài sản chung, không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Thảo Tr có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thảo Tr ly hôn ông Đặng Phi T.

2 - Về quan hệ nuôi con chung, quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Bà Lê Thị Thảo Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005340 ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; bà Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19/4/2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã VT;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh